TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:10/2024/KDTM-ST
Ngày: 10-6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hoá.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Nhàn;

2. Ông Lê Hữu Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỷ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 và ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 57/2023/TLST-KDTM ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2024/QĐXX-ST ngày 17 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 52/2024/QĐST-KDTM ngày 30/5/2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH Đồ Gỗ Gia Dụng A; địa chỉ: Số 214/59 đường ĐTA, tổ X5, khu phố X7, phường UH, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vương Đức T, sinh năm 1986; địa chỉ: KM, khu phố CT, phường BA, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (Theo Văn bản uỷ quyền ngày 17/10/2023) – Có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH H (Việt Nam); địa chỉ: Lô E, đường D, KCN RB, phường AT, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

1. Bà Đặng Thị VH, sinh năm 1987; địa chỉ: Số X, đường LT, khu phố ĐT, phường LT, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương – Có mặt.

Hoặc:

2. Bà Trần Thị Bích N, sinh năm 1991; địa chỉ: khu phố X3, phường MP, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương - Vắng mặt.

Hoặc:

3. Ông Wang Q, sinh năm 1988; địa chỉ: Lô E, đường D, KCN RB, phường AT, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương - Vắng mặt.

(Theo Văn bản uỷ quyền ngày 09/11/2023).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Ông Zhang Xiu N, sinh năm 1976; địa chỉ thường trú: Chang Sheng Village, jia Ding town, Xin Feng District, Jiang Xi province, Trung Quốc; chỗ ở: Tổ 1, khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương – Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2023 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/01/2022, Công ty TNHH Đồ Gỗ Gia Dụng A (viết tắt là Công ty A) và Công ty TNHH H Việt Nam – Chi nhánh B (viết tắt là Chi nhánh H2) là đơn vị phụ thuộc của Công ty TNHH H (Việt Nam) (viết tắt là Công ty H) có ký với nhau Hợp đồng nguyên tắc số 0072022/2022/HĐNT-HA về việc Công ty A bán cho Chi nhánh H2 ván ghép cao su với số lượng, đơn giá theo từng đơn đặt hàng. Theo quy định của hợp đồng thì phía Chi nhánh H2 phải đặt cọc số tiền 500.000.000 đồng, tuy nhiên trên thực tế không thực hiện việc đặt cọc. Căn cứ vào hợp đồng đã ký và yêu cầu đặt hàng thì Công ty A đã giao cho Chi nhánh H2 số lượng ván ghép cao su là 26,7912m^3 với tổng giá trị là 399.296.045 đồng (bao gồm VAT). Thời hạn thanh toán theo Điều 3 của Hợp đồng là trước ngày 15 của tháng sau, sau khi nhận hàng và xuất hoá đơn giá trị gia tăng (VAT). Tuy nhiên đến nay phía Chi nhánh H2 mới thanh toán được số tiền là 200.000.000 đồng vào ngày 29/6/2022 và còn nợ lại số tiền là 199.296.045 đồng.

Căn cứ vào khoản 6 Điều 84 Bộ luật Dân sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 40 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự và các tài liệu chứng cứ kèm theo thì Công ty A đã giao đủ hàng hoá theo hợp đồng và xuất Hoá đơn giá trị gia tăng số 02 ngày 26/4/2022 và phía Chi nhánh H2 đã thanh toán được 01 phần tiền bằng hình thức chuyển khoản là 200.000.000 đồng. Như vậy phía Chi nhánh H2 đã nhận hàng, thụ hưởng trên giá trị hàng hoá nhận từ Công ty A nên phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ lại. Chi nhánh H2 không thanh toán được thì Công ty H phải có trách nhiệm thanh toán.

Nay Công ty A khởi kiện Công ty H với các yêu cầu sau:

Buộc Công ty H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A một lần tổng số tiền là 247.791.415 đồng, trong đó: Tiền gốc là 199.296.045 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 01/6/2022 cho tới ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/6/2024) với lãi suất 01%/tháng là 199.296.045 đồng x 24 tháng 10 ngày x 1%/tháng = 48.495.370 đồng.

2. Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Đặng Thị VH trình bày:

Từ ngày 24/01/2022 đến ngày 29/8/2023, ông Zhang Xiu N được bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Chi nhánh H2 và đồng thời được uỷ quyền quản lý tài khoản của Chi nhánh H2. Ngoài ra, được Công ty H bàn giao con dấu của Chi nhánh H2 nhằm thuận tiện giải quyết các công việc cấp bách của Công ty.

Tuy nhiên, ông Zhang Xiu N đã tự đại diện Chi nhánh H2 tiến hành thực hiện mua bán hàng hoá với Công ty A. Việc mua bán này không được Công ty H uỷ quyền và Công ty H không hề biết đến các giao dịch này cũng như việc Chi nhánh H2 đã thanh toán cho Công ty A số tiền 200.000.000 đồng. Văn bản uỷ quyền ngày 15/02/2022 mà ông Zhang Xiu N cung cấp cho Toà án, Công ty H chưa nhận được và cũng không biết văn bản uỷ quyền này.

Ngoài ra, phiếu giao hàng mà Công ty A cung cấp cho thấy thời điểm tháng 4/2022 bà Lê Thị Đ (người nhận hàng) không phải là người của Công ty H hay Chi nhánh H2 mà là nhân viên của Công ty TNHH Gỗ HĐ (viết tắt là Công ty HĐ) nên yêu cầu Toà án đưa bà Lê Thị Đ tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án để làm rõ nội dung vụ án, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty H.

Hiện tại qua kiểm tra sổ sách giấy tờ liên quan của Chi nhánh H2 thấy có hợp đồng mua bán hàng hoá được ký kết giữa Chi nhánh H2 do ông Zhang Xiu N đại diện ký và Công ty HĐ do bà Võ Lâm KA đại diện ký. Theo đó, nội dung hợp đồng này có mặt hàng và số tiền trùng khớp với hàng hoá của Công ty A. Cụ thể: Loại hàng là ván ghép cao su AA 20*1220*2440, số lượng 26,7912 m^3, trị giá 399.296.045 đồng (bao gồm VAT).

Cũng năm 2022, sau khi thực hiện việc mua bán hàng hoá với Công ty A mà không có sự uỷ quyền của Công ty H, ông Zhang Xiu N tiếp tục thực hiện việc bán số hàng hoá nêu trên cho Công ty HĐ. Đồng thời chiếm đoạt số tiền của Chi nhánh H2 đã được Công ty HĐ thanh toán.

Nhận thấy ông Zhang Xiu N đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Công ty H. Công ty H đã tiến hành tố giác hành vi của ông Zhang Xiu N với cơ quan Cảnh sát điều tra có thẩm quyền. Vì vậy, đề nghị Toà án căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 214 của Bộ luật Tố tụng dân sự tạm đình chỉ giải quyết vụ án.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của Công ty A, Công ty H không đồng ý.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Zhang Xiu N vắng mặt tại phiên toà nhưng quá trình tham gia tố tụng ông Zhang Xiu N có ý kiến như sau:***

Vào tháng 02/2022, ông Zhang Xiu N được giám đốc Chi nhánh H2 cử đến để điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Chi nhánh H2 với chức vụ Phó Giám đốc theo Giấy uỷ quyền ngày 15/02/2022 do ông Liao Chuan Wu – chức vụ Giám đốc và là người đứng đầu ký và đóng dấu Chi nhánh H2.

Ngày 02/01/2022 Công ty A và Chi nhánh H2 là đơn vị phụ thuộc của Công ty H có ký với nhau Hợp đồng mua bán số 0072022/2022/HDNT–HA về việc

Công ty A bán cho Chi nhánh H2 hàng hoá là ván ghép cao su với số lượng, đơn giá theo từng đơn đặt hàng. Tại hợp đồng quy định Chi nhánh H2 phải đặt cọc số tiền 500.000.000 đồng tuy nhiên trên thực tế không thực hiện việc đặt cọc.

Theo hợp đồng đã ký kết và yêu cầu đặt hàng thì Công ty A đã giao cho Chi nhánh H2 số lượng ván ghép cao su là 26,7912 m^3 trị giá 399.296.045 đồng (bao gồm VAT). Tại thời điểm ông Zhang Xiu N còn làm việc, Chi nhánh H2 có thanh toán cho số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 29/6/2022 và còn nợ lại số tiền là 199.296.045 đồng. Hiện tại còn nợ bao nhiêu thì ông Zhang Xiu N không biết do ông không còn làm việc tại Chi nhánh H2 nữa.

Số lượng hàng hoá sau khi Công ty A giao đã được Chi nhánh H2 đưa vào phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của chi nhánh và cũng đã hạch toán kế toán đầy đủ theo quy định của pháp luật như kê khai, báo cáo thuế đầy đủ.

Nay phía Công ty A khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật và ông Zhang Xiu N không có ý kiến gì thêm do hiện nay ông Zhang Xiu N không còn làm tại Chi nhánh H2 nữa.

Tại phiên toà:

- *Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận buộc Công ty H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A một lần tổng số tiền: 238.092.341 đồng, trong đó:

- Tiền nợ gốc là: 199.296.045 đồng;

- Đối với tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 01/6/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/6/2024), nguyên đơn xác định lại là yêu cầu tính với mức lãi suất 0,8%/tháng là:

199.296.045đồng x 0,8%/tháng x 24 tháng 10 ngày = 38.796.296 đồng.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày:* Bị đơn giữ nguyên toàn bộ ý kiến như trên.

Nguyên đơn và bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác. Bị đơn không có yêu cầu phản tố và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

4. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, lời trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng***:**

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Công ty H có địa chỉ trụ sở chính tại Lô E, đường D, KCN RB, phường AT, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về quan hệ tranh chấp*: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ còn lại theo Hợp đồng nguyên tắc số 0072022/2022/HDNT–HA ngày 02/01/2022. Cả nguyên đơn và bị đơn đều có tư cách pháp nhân và việc ký kết, thực hiện hợp đồng đều nhằm mục đích kinh doanh hướng đến lợi nhuận. Căn cứ khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại với quan hệ pháp luật là: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá".

[1.3] *Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Zhang Xiu N đã có trình bày ý kiến về việc khởi kiện của Công ty A đối với Công ty H và có Đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Ông Zhang Xiu N cũng không có yêu cầu độc lập đối với nguyên đơn và bị đơn. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt ông Zhang Xiu N.

[1.4] *Về yêu cầu của bị đơn yêu cầu Toà án tạm đình chỉ giải quyết vụ án và đưa bà Lê Thị Đ vào tham gia tố tụng trong vụ án:*

- Công ty H cho rằng ông Zhang Xiu N, nguyên là Phó Giám đốc và bà Võ Lâm KA, nguyên là kế toán Chi nhánh H2 có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Công Ty H và đã làm đơn tố giác tội phạm gửi đến Công an tỉnh Bình Dương. Ngày 01/12/2023, Công an tỉnh Bình Dương có Công văn số 2586/CSKT– Đ4 trả lời nội dung tố cáo của Công ty H đối với hành vi của ông Zhang Xiu N và bà Võ Lâm KA không thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an tỉnh Bình Dương. Tại phiên toà, Công ty H xác định đã nhận Công văn trên và chưa khiếu nại Công văn số 2586/CSKT–Đ4 đến cơ quan có thẩm quyền để xem xét giải quyết, hiện tại cũng chưa có cơ quan thẩm quyền nào kết luận hành vi của ông Zhang Xiu N và bà Võ Lâm KA là phạm tội nên không có cơ sở tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả giải quyết vụ án khác.

- Đối với yêu cầu đưa bà Lê Thị Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Xét thấy, hiện tại tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá giữa 02 pháp nhân với nhau là Công ty A và Công ty H, hợp đồng mua bán đã xác lập và thực hiện, 02 pháp nhân phải có quyền và nghĩa vụ trong việc thực hiện hợp đồng, nên việc bị đơn yêu cầu đưa bà Lê Thị Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không cần thiết.

[1.5] *Về tài liệu chứng cứ:* Sau ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử Toà án thu thập thêm các văn bản sau:

- Công văn số 92/CV-BHXH ngày 08/5/2024 của Bảo hiểm xã Hội huyện Bàu Bàng về việc tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho bà Lê Thị Đ tại Bảo hiểm xã hội huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương;

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh H2;

- 03 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên của Công ty H, đăng ký lần đầu, đăng ký thay đổi lần thứ nhất và đăng ký thay đổi lần thứ hai;

- Công văn số 681/ĐKKD ngày 13/5/2024 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương. Về việc cung cấp thông tin Công ty H.

Các đương sự đã được tiếp cận công khai các văn bản trên, các đương sự không có ý kiến gì thêm nên Toà án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đó cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án để thẩm tra giải quyết.

[2] *Về nội dung tranh chấp:*

[2.1] *Về* yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn:

- Ý kiến của nguyên đơn: Căn cứ vào Hợp đồng nguyên tắc số 0072022/2022/HĐNT-HA ngày 02/01/2022 được ký kết giữa Công ty A và Chi nhánh H2 là đơn vị trực thuộc của Công ty H về việc Công ty A bán cho Chi nhánh H2 ván ghép cao su với số lượng, đơn giá theo từng đơn đặt hàng. Tổng giá trị là 399.296.045 đồng (bao gồm VAT), sau khi nhận hàng và xuất hoá đơn VAT. Chi nhánh H2 thanh toán được số tiền là 200.000.000 đồng vào ngày 29/6/2022 và còn nợ lại số tiền là 199.296.045 đồng. Chi nhánh H2 không thanh toán được thì Công ty H phải có trách nhiệm thanh toán. Nay công ty A yêu cầu Công ty H phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi suất chậm thanh toán 238.092.341 đồng, trong đó: Tiền gốc là 199.296.045 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 38.796.296 đồng.

- Ý kiến của bị đơn: Thời điểm ngày 02/01/2022, ông Zhang Xiu N không phải là người đại diện hợp pháp của Chi nhánh H2, đã tự ý đại diện Chi nhánh H2 tiến hành thực hiện mua bán hàng hoá với Công ty A. Việc ký kết hợp đồng mua bán này Công ty H không hề biết, cũng như việc Chi nhánh H2 đã thanh toán cho Công ty A số tiền 200.000.000 đồng. Nay trước yêu cầu khởi kiện của Công ty A, Công ty H không đồng ý.

[2.2] *Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

- Hợp đồng nguyên tắc số 0072022/2022/HĐNT-HA ngày 02/01/2022 được ký kết giữa Công ty A và Chi nhánh H2 thì xét thấy:

Đây là hợp đồng mua bán hàng hoá (ván ghép cao su) giữa hai doanh nghiệp, bên A (bên bán) là Công ty A, người đại diện pháp luật là ông Lin Yun An thoả thuận ký tên, đóng dấu trong hợp đồng là doanh nghiệp có tư cách pháp nhân. Còn đối với bên B (bên mua) là Chi nhánh H2 là đơn vị trực thuộc vào Công

ty H có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Công ty H, kể cả chức năng đại diện theo uỷ quyền được quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật Doanh nghiệp 2020. Người đứng đầu Chi nhánh H2 cũng là người đại diện pháp luật của Công ty H là ông Lioa, Chuanwu. Do đó, khi Chi nhánh H2 tham gia ký kết hợp đồng kinh tế với Công ty A phải là ông Lioa, Chuanwu. Tuy nhiên trong hợp đồng nguyên tắc số 0072022/2022/HĐNT-HA ngày 02/01/2022 được ký kết giữa Công ty A và Chi nhánh H2 lại là ông Zhang Xiu N ký kết, khi đó ông Zhang Xiu N chưa phải là người đại diện hợp pháp của Chi nhánh H2 đã thoả thuận mua hàng, ký, đóng dấu của Chi nhánh H2 trong hợp đồng mua bán với Công ty A là vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 84 Bộ luật Dân sự 2015. Ngày 24/01/2022, ông Zhang Xiu N mới được bổ nhiệm chức vụ phó giám đốc, được bàn giao quản lý con dấu và được uỷ quyền để quản lý sử dụng tài khoản ngân hàng của Chi nhánh H2. Ngày 15/02/2022 ông Zhang Xiu N mới được người đại diện pháp luật của Chi nhánh H2 là ông Lioa, Chuanwu uỷ quyền ký kết các hợp đồng mua bán, ký báo giá của Công ty H với các nhà cung ứng. Do vậy, thời điểm ký kết hợp đồng mua bán hàng hoá số 0072022/2022/HĐNT-HA ngày 02/01/2022 giữa Công ty A và Chi nhánh H2 là không đúng quy định của pháp Luật.

Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng, Công ty A đã xuất kho, giao hàng được thể hiện qua 02 phiếu xuất kho ngày 01/4/2022 và ngày 08/4/2022, hàng hoá là ván ghép cao su với số lượng 26,7912m^3 trị giá 399.296.045 đồng (bao gồm VAT). Công ty A đã xuất Hoá đơn giá trị gia tăng số 02 ngày 26/4/2022 và đã thanh toán được 01 phần tiền bằng hình thức chuyển khoản là 200.000.000 đồng, Hoá đơn giá trị gia tăng số 02 ngày 26/4/2022 của Công ty A đã được Chi nhánh H2 kê khai báo cáo thuế vào quý 02/2022. Thời điểm xuất kho giao, nhận hàng, ông Zhang Xiu N đã được uỷ quyền của người đứng đầu Chi nhánh H2, quản lý tài khoản của Chi nhánh H2. Ngoài ra, được Công ty H bàn giao con dấu của Chi nhánh H2 nhằm thuận tiện giải quyết các công việc cấp bách của Công ty (ngày 24/01/2022). Chi nhánh H2 đã sử dụng hàng hoá, lợi nhuận có được do việc ký kết, trong thời gian dài mà Công ty H kiểm soát tình hình hoạt động của Chi nhánh H2 không phản đối, làm cho Công ty A đã giao dịch không biết việc ông Zhang Xiu N ký kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với Công Ty A không có quyền đại diện. Tuy Chi nhánh H2 hoạch toán độc lập nhưng là đơn vị trực thuộc của Công ty H, chịu sự quản lý, kiểm soát của Công ty H, không tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình do không có tư cách pháp nhân nên Công ty H phải có trách nhiệm với Chi nhánh H2 khi hợp đồng đã xác lập và thực hiện được quy định tại khoản 6 Điều 84 Bộ Luật Dân sự 2015. Căn cứ vào Điều 141, Điều 142 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A về việc buộc Công ty H thanh toán cho Công ty A số tiền Chi nhánh H2 còn nợ công ty A là 199.296.045 đồng.

- Về yêu cầu lãi suất chậm thanh toán:

Xét hợp đồng mua bán các bên không thoả thuận lãi chậm thanh toán. Căn cứ vào Điều 306 Luật Thương mại mức lãi suất được tính bình quân liên ngân hàng của Ngân hành TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Bến Cát; Ngân hành Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Bình Dương;

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt nam – Chi nhánh Mỹ Phước là (14.25%/năm +8.91%/năm + 11.55%/năm) : 3 : 12 tháng = 0.96%/ tháng.

Tại phiên toà, Công ty A yêu cầu mức lãi suất 0,8%/tháng là thấp hơn mức lãi suất bình quân liên ngân hàng của 03 Ngân hàng nêu trên nhưng đây là sự tự nguyện của Công ty A nên yêu cầu mức lãi suất của Công ty A là phù hợp nên chấp nhận.

Công ty Công ty H phải có nghĩa vụ trả cho Công ty A tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 01/6/2022 cho tới ngày xét xử 10/6/2024:

199.296.045đồng x 0,8%/tháng x 24 tháng 10 ngày = 38.796.296 đồng.

Tổng cộng số tiền Công ty H phải thanh toán cho Công ty A là: 238.092.341 đồng.

[3] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát là phù hợp và có căn cứ.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Toà án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 244, 266, 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 84, 141, 142, 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 306 và Điều 319 Luật Thương mại;

Căn cứ vào Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Gỗ Gia Dụng A đối với bị đơn Công ty TNHH H (Việt Nam) về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”.

Buộc Công ty TNHH H (Việt Nam) phải thanh toán cho Công ty TNHH Gỗ Gia Dụng A số tiền là 238.092.341 đồng (hai trăm ba mươi tám triệu, không trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi mốt đồng), trong đó:

+ Tiền gốc là: 199.296.045 đồng (một trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi sáu nghìn, không trăm bốn mươi lăm đồng);

+ Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là: 38.796.296 đồng (ba mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi sáu nghìn, hai trăm chín mươi sáu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bị đơn Công ty TNHH H (Việt Nam) phải chịu 11.904.617 đồng (mười một triệu, chín trăm lẻ bốn nghìn, sáu trăm mười bảy đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn Công ty TNHH Gỗ Gia dụng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.829.409 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0012526 ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Các đương sự.
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Nga